

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 7 - 2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Thanh Hùng;

2/ Ông Phan Phước Tân;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Chau San – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ 23, ấp PT, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Số nhà 200, ấp Phước Hòa, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà H, ông T có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2021 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Huỳnh Văn T trình bày: Hôn nhân giữa ông với bà Dương Thị H do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 28/8/2008. Sau khi kết hôn cuộc sống ban đầu hạnh phúc nhưng gần đây thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hợp. Hai bên đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay ông yêu cầu xin ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Văn H1, sinh ngày 05/10/2013, hiện nay đang sống với ông, khi ly hôn ông yêu cầu được T tục nuôi cháu H1, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là bà Dương Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian chung sống, con chung, thời gian không còn sống chung. Nay ông T xin ly hôn, bà đồng ý. Con chung bà thống nhất cháu H1 hiện đang sống với ông T, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Văn H1, sinh ngày 05/10/2013, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/5/2021 được cháu Huỳnh Văn H1 khai, cháu là con của ông T và bà H, hiện nay cha mẹ cháu đã không còn chung sống với nhau, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ (bà H).

Tại phiên tòa, ông T và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn bảo lưu ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, tại phiên tòa thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa ông T và bà H có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài, điều này cũng được ông T và bà H thừa nhận và đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Văn H1, sinh ngày 05/10/2013, cháu hiện nay đang sống với ông T và cháu H1 có nguyện vọng muốn sống chung với bà H. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà H và cháu H1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu H1 lại cho bà H được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T và bà H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bà Dương Thị H. Bà H có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình

về ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông T và bà H có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của ông T ly hôn với bà H thì thấy: Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án ông T và bà H thuận tình ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà H theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Huỳnh Văn H1 có nguyện vọng xin được tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà H và cháu H1 nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H1 lại cho bà H được tiếp tục nuôi dạy theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T và bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp ông, bà có yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận, ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Văn T và bà Dương Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Văn H1, sinh ngày 05/10/2013, hiện đang sống chung với ông T cho bà H nuôi dưỡng.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0007083 ngày 20/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 206, ngày 28/8/2008 thuộc quyển số II do Ủy ban nhân dân xã P cấp không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- UBND xã P (1);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện AP (1);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Quang Bảo